

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2024

V/v Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoàng Nga

2. Bà Phan Thị Ngọc Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hoàng Sa, Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Thùy T**, sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**;

* Vắng mặt có lý do (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam**;

* Vắng mặt không có lý do lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024, Bản tự khai nguyên đơn chị Thái Thị Thùy T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân: Chị **Thái Thị Thùy T** và anh **Huỳnh Ngọc C** là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh **C** ham chơi cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 02/2022 đến nay chị **T** và anh **C** không sống chung với nhau. Nay chị **T** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị **T** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **Huỳnh Ngọc C**. Về con chung: Có một con chung tên: **Huỳnh Ngọc Trúc M**, sinh ngày 09/6/2017. Hiện cháu **M** đang ở cùng chị **T**, khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh **Huỳnh Ngọc C**

cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Nợ chung: không có.

* *Bị đơn anh Huỳnh Ngọc C*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **C** không hợp tác, cố tình trốn tránh và không hợp tác làm việc với Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án huyện **N** theo quy định của pháp luật. Anh **C** cũng không có ý kiến về nội dung vụ án cũng như yêu cầu của mình; từ chối quyền lợi, nghĩa vụ về việc giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:*

- Về phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình vắng mặt đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Thái Thị Thùy T**, cho chị **T** được ly hôn với anh **Huỳnh Ngọc C**. Giao cho chị **Thái Thị Thùy T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục **Huỳnh Ngọc Trúc M**, sinh ngày 09/6/2017 đến khi thành niên. Về cấp dưỡng: Chị **Thái Thị Thùy T** không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị **Đặng Thị Thùy T1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh **Huỳnh Ngọc C** có hộ khẩu thường trú tại xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam**; chị **T1** yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Ly hôn và giải quyết con chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Huỳnh Ngọc C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác để giải quyết vụ án, cả hai phiên Tòa anh **C** đều vắng mặt không có lý do; phía chị **Thái Thị Thùy T** đã có đơn

xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung vụ án: Chị **Thái Thị Thùy T** và anh **Huỳnh Ngọc C** là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2018 tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do anh **C** ham cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 02/2022 đến nay, chị **T** và anh **C** không sống chung với nhau. Nay chị **T** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị **T** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **Huỳnh Ngọc C**.

Chị **Thái Thị Thùy T** có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và Tòa án đã niêm yết triệu tập nhiều lần nhưng anh **C** không đến Tòa do đó không tiến hành tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ được.

Chị **Thái Thị Thùy T** kiên quyết xin ly hôn, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**.

Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **T** và anh **C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có một con chung là **Huỳnh Ngọc Trúc M**, sinh ngày 09/6/2017. Hiện cháu **M** đang ở cùng chị **T** và cháu **M** cũng đã có đơn trình bày xin được ở với mẹ nên xét thấy cần giao cháu **M** cho chị **T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của cháu là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh **Huỳnh Ngọc C** được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị **Thái Thị Thùy T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Thái Thị Thùy T** về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” với anh **Huỳnh Ngọc C**.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị **Thái Thị Thùy T** được ly hôn anh **Huỳnh Ngọc C**.

- **Về con chung:** Giao cháu **Huỳnh Ngọc Trúc M**, sinh ngày 09/6/2017 cho chị **Thái Thị Thùy T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Huỳnh Ngọc C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh **Huỳnh Ngọc C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Thái Thị Thùy T** phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0020285 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Quế Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam